

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày 10 – 01 – 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trung

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa: Bà Trần Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2021/TLST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Văn T212, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn M, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phạm Thị D, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn T212, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2021 và các lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Văn T212 (Nguyên đơn) trình bày:

Ngày 26.5.2018 dl, vợ chồng anh M và chị Đào có vay của chị số tiền là 235.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng bằng số tiền là 3.500.000 đồng,

thời hạn vay 07 tháng. Khi vay tiền, anh M có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất do anh M và anh Nguyễn Văn Thạch đứng tên diện tích là 108,50 m² tại xã An Xuyên, thành phố Cà Mau. Anh M có viết giấy vay tiền bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, khi chị đưa tiền cho anh M không có chị Đào nhưng việc anh M vay tiền là để trị bệnh cho chị Đào và nuôi tôm. Sau khi vay, anh M có đóng lãi số tiền là 14.000.000 đồng. Đối với anh T212 không vay tiền của chị nên chị không có yêu cầu gì. Nay chị yêu cầu anh M và chị Đào trả số tiền vay vốn là 235.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận sau khi vay 07 tháng là 1,5%, phần còn lại yêu cầu tính lãi theo quy định. Chị đồng ý đối trừ số tiền lãi anh M đã đóng là 14.000.000 đồng và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi anh M thực hiện xong nghĩa vụ.

Tại các lời khai tại tòa án, anh Ngô Văn M (Bị đơn) trình bày:

Trước đây, anh có vay tiền chị Trinh nhưng không có khả năng trả vốn lãi nên ngày 26.5.2018 anh có viết giấy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nên không yêu cầu giám định chữ ký chữ viết, nội dung vay của chị Trinh số tiền là 235.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng cụ thể lãi mỗi tháng là 3.500.000 đồng, thời hạn vay 07 tháng. Anh có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất do anh và anh Nguyễn Văn Thạch đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 108,50 m² tọa lạc xã An Xuyên, thành phố Cà Mau. Đối với anh Thạch không vay tiền của chị T212 mà do anh vay tiền chị Trinh nhưng phần đất anh và anh Thạch đứng tên là do anh chung sang nhượng. Khi anh vay tiền của chị Trinh thì chị Đào có biết, mục đích vay trị bệnh cho chị Đào và chi xài chung trong gia đình, quan hệ hôn nhân của anh và chị Đào vẫn đang tồn tại. Sau khi vay xong, anh có đóng lãi cho chị Trinh số tiền là 128.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng bưu điện Liên Việt huyện Cái Nước. Nay anh và chị Đào còn thiếu và đồng ý trả cho chị Trinh nhưng do đã có trả vốn lãi cho chị Trinh nhưng không biết bao nhiêu nên sau khi anh tính toán lại mới xác định còn thiếu chị Trinh như thế nào để trả cho chị Trinh.

Tại các lời khai tại Tòa án, anh Nguyễn Văn T212 (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Anh và anh M cùng mua đất, mỗi người mua một nửa phần đất, giá mua của anh là 05 lượng vàng 24k và anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng anh M phần đất diện tích là 108,50 m² tọa lạc xã An Xuyên, thành phố Cà Mau. Từ khi mua đất đến nay, anh M quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc anh M thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền của chị T212

thì anh không biết và cũng không thông báo cho anh biết. Anh có ý kiến là phần đất anh M thế chấp vay tiền của chị T212 trong đó có ½ phần đất thuộc quyền sở hữu của anh. Việc chị T212 yêu cầu anh M và chị Đào trả tiền vay thì anh không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

Đối với chị Phạm Thị Đào kể từ khi thụ lý vụ án, chị Đào đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ và thông báo về các phiên hòa giải, triệu tập đến để xét xử, nhưng chị Đào vẫn không đến tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T212.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa trình bày: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký đã thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Phía bị đơn và người liên quan đã được triệu tập tham gia để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T212, buộc anh M và chị Đào có nghĩa vụ trả cho chị T212 số tiền vay vốn là 235.000.000 đồng, về lãi suất chấp nhận số tiền lãi anh M đã trả cho chị T212 bằng hình thức chuyển khoản là 128.000.000 đồng, sau khi đối trừ thì anh M còn phải trả lãi suất cho chị T212 theo quy định. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trinh yêu cầu anh M và chị Đào trả số tiền vay vốn là 235.000.000 đồng và lãi suất nên quan hệ pháp luật tranh chấp “*Tranh chấp vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Khánh Tư, xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh M, chị Đào và anh T212 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có người đại diện tham gia phiên tòa; Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án như sau:

[3.1] Xét yêu cầu của chị T212 về việc yêu cầu anh M và chị Đào trả số tiền vay vốn là 235.000.000 đồng.

Theo chị Trinh và anh M thống nhất trình bày ngày 26.5.2018 dương lịch anh M có viết giấy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay của chị T212 số tiền là 235.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng cụ thể lãi mỗi tháng là 3.500.000 đồng, thời hạn 07 tháng. Khi vay, anh M có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất do anh M và anh Thạch đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 108,50 m² tọa lạc tại xã An Xuyên, thành phố Cà Mau. Phía chị T212 có cung cấp giấy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 26.5.2018 dương lịch, anh M thừa nhận do anh viết và ký tên nội dung vay của chị T212 số tiền là 235.000.000 đồng nên không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký. Chị T212, anh M và anh T212 xác định anh T212 không vay tiền của chị T212, mà do anh M vay tiền của chị T212. Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh M có vay của chị T212 số tiền vay vốn là 235.000.000 đồng là thực tế có xảy ra, được anh M thừa nhận. Khi thực hiện giao dịch đến nay thì quan hệ hôn nhân của anh M và chị Đào vẫn đang tồn tại, anh M xác định vay tiền của chị T212 để phát triển kinh tế chung trong gia đình và điều trị bệnh cho chị Đào nên cần buộc anh M và chị Đào có nghĩa vụ trả nợ cho chị T212 là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T212, buộc anh M và chị Đào có nghĩa vụ trả cho chị T212 số tiền vay vốn là 235.000.000 đồng và lãi suất.

[3.2] Về lãi suất:

Chị T212 xác định anh M có đóng lãi nhiều lần số tiền là 14.000.000 đồng. Anh M cho rằng có đóng lãi cho chị T212 số tiền là 128.000.000 đồng bằng hình thức giao dịch chuyển khoản cho chị T212 tại Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt chi nhánh huyện Cái Nước. Anh M có cung cấp các giấy nộp tiền vào tài khoản của

chị T212 tại Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt chi nhánh huyện Cái Nước số tiền là 128.000.000 đồng, được chị T212 thừa nhận. Tuy nhiên, chị T212 cho rằng số tiền anh M chuyển vào tài khoản của chị số tiền là 128.000.000 đồng là trả tiền anh M mượn riêng là 150.000.000 đồng, mục đích mượn để anh M nuôi tôm công nghiệp, khác với khoản vay trong vụ án này nên anh M chuyển khoản trả số tiền là 128.000.000 đồng, phần còn thiếu lại là 22.000.00 đồng thì trả bằng tiền mặt. Do đã thanh toán xong nên chị không còn giấy mượn nợ của anh M và cũng không có chứng cứ chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T212 không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc số tiền là 128.000.000 đồng nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của chị T212 về số tiền 128.000.000 đồng là khoản nợ riêng, phía anh M cho rằng có đóng lãi số tiền là 128.000.000 đồng và có cung cấp được các giấy nộp tiền vào tài khoản chị T212 số tiền là 128.000.000 đồng, được chị T212 thừa nhận nên chấp nhận số tiền anh M đã đóng lãi cho chị T212 là 128.000.000 đồng.

*Đối với lãi suất cụ thể như sau:

+ Từ ngày 26/5/2018 dương lịch đến ngày 26/12/2018 dương lịch là 7 tháng.
 $235.000.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ tháng} \times 1,5\% = 24.675.000 \text{ đồng}.$

+ Từ ngày 26/12/2018 dương lịch đến ngày xét xử ngày 10/01/2024 dương lịch là 60 tháng 14 ngày.

$235.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% / \text{tháng} \times 60 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} = 235.878.000 \text{ đồng}$
(Làm tròn số).

Tổng số tiền lãi là 260.553.000 đồng.

* Sau khi đối trừ số tiền lãi mà anh M đã trả là 128.000.000 đồng, số tiền lãi suất còn lại anh M và chị Đào phải trả cho chị T212 là:

$260.553.000 \text{ đồng} - 128.000.000 \text{ đồng} = 132.553.000 \text{ đồng}.$

Do đó, buộc anh M và chị Đào có nghĩa vụ trả cho chị T212 số tiền vay vốn là 235.000.000 đồng và lãi suất số tiền là 132.553.000 đồng, tổng cộng là 367.553.000 đồng.

[4] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh M và anh T212: Buộc chị T212 có nghĩa vụ trả lại cho Mê và anh Thạch một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S681699, cấp ngày 26 tháng 10 năm 2004 do anh M và anh Thạch đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thửa số 195, tờ bản đồ số 12, diện tích là 108,50 m², tọa lạc tại xã An Xuyên, thành phố Cà Mau.

[5] Đối với anh Nguyễn Văn T212: Phía chị T212, anh M và anh T212 xác định anh T212 không vay tiền của chị T212. Anh T212 chỉ đứng tên quyền sử

dụng đất cùng với anh M phần đất mà anh M thế chấp vay tiền của chị T212. Phía chị T212 không có yêu cầu gì đối với anh T212, việc anh M thế chấp vay tiền cho chị T212 thì anh T212 xác định không biết và không có yêu cầu gì trong vụ án nên không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: Anh M và chị Đào phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: $367.553.000 \text{ đồng} \times 5 \% = 18.378.000 \text{ đồng}$ (Làm tròn số).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Văn T212 đối với anh Ngô Văn M và chị Phạm Thị Đào.

Buộc anh Ngô Văn M và chị Phạm Thị Đào có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Văn T212 số tiền vay vốn là 235.000.000 đồng và lãi suất số tiền là 132.553.000 đồng, tổng cộng là 367.553.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Đối với số tiền trên, kể từ ngày chị Nguyễn Văn T212 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ngô Văn M và chị Phạm Thị Đào không thi hành xong thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Buộc chị Lương Kiều Trinh có nghĩa vụ trả lại cho Ngô Văn M và anh Nguyễn Văn Thạch một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S681699, cấp ngày 26 tháng 10 năm 2004 do anh Ngô Văn M và anh Nguyễn Văn Thạch đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thửa số 195, tờ bản đồ số 12, diện tích là 108,50 m², tọa lạc tại xã An Xuyên, thành phố Cà Mau.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: Buộc anh Ngô Văn M và chị Phạm Thị Đào phải chịu số tiền là 18.378.000 đồng (Chưa nộp), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Chị Nguyễn Văn T212 được nhận lại số tiền dự nộp tạm ứng án phí là 9.025.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số 0006281, ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng

